HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2019/NQ-HĐND	*Lạng Sơn, ngày 12 tháng 7 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT
Quy định các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm và hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng; người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Đơn vị ký số: Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định các khoản đóng

góp, chế độ miễn, giảm và hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng; người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng; người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Các đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc và người điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng; người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng cư trú trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh

1. Các khoản đóng góp

a) Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS): Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ (trừ trường hợp được hỗ trợ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này).

b) Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: Theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp (trừ trường hợp được hỗ trợ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này).

c) Định mức tiền ăn hàng tháng; tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với nữ): Bằng 30% mức quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi tắt là Nghị định số 136/2016/NĐ-CP).

d) Tiền hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập, lao động: 70.000 đồng/người/năm.

đ) Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

2. Chế độ hỗ trợ

a) Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần: Mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

b) Hỗ trợ 100% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường đối với: Thương binh; người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người thuộc hộ nghèo; người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; trẻ em mồ côi; người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng; người thuộc hộ cận nghèo; người nhiễm HIV/AIDS.

c) Tiền ăn hàng tháng; tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 70% định mức quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định 136/2016/NĐ-CP.

d) Được hỗ trợ chỗ ở miễn phí.

Điều 3. Các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng

1. Các khoản đóng góp

a) Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: Mức đóng góp theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

b) Tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy: 400.000 đồng/người/lần cai nghiện (trừ đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều này).

c) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện (nếu cai nghiện tập trung tại cộng đồng): 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa là 15 ngày.

2. Chế độ hỗ trợ

Thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 4. Các khoản đóng góp, chế độ miễn, giảm, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng

1. Các khoản đóng góp

a) Chi phí khám sức khoẻ; xét nghiệm phát hiện chất ma tuý và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: Mức chi theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

b) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

c) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung (nếu cai nghiện tập trung tại cộng đồng): 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa là 15 ngày.

d) Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có), mức tối đa 2.000.000 đồng/người.

2. Chế độ miễn, giảm

Người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ cận nghèo, người nhiễm HIV/AIDS được giảm 50% các khoản chi phí:

a) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy: 200.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

b) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung (nếu cai nghiện tập trung tại cộng đồng): 20.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa là 15 ngày.

3. Chế độ hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn, được bố trí từ nguồn kinh phí chi đảm bảo xã hội của ngân sách tỉnh hàng năm; nguồn đóng góp của bản thân hoặc gia đình có người nghiện ma túy; nguồn thu từ các hoạt động sự nghiệp của đơn vị; nguồn cung ứng dịch vụ, lao động sản xuất và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

2. Kinh phí thực hiện chế độ miễn, giảm và hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng; tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng, tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách xã, phường, thị trấn; nguồn đóng góp của bản thân hoặc gia đình có người nghiện ma túy; nguồn đóng góp của người cai nghiện ma túy (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy); nguồn huy động của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn Khóa XVI, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ LĐ-TB và XH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Uỷ ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- C, PCVP Tỉnh ủy;
- C, PCVP HĐND tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo Lạng Sơn; Báo Lạng Sơn;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Nghiệm